

Hàng Mát (C) : Đường Số 1 KCN Hòa Cẩm ,Phường Cẩm Lệ, Thành Phố Đà Nẵng

Hàng Đông (F) : Kho Đức Thịnh, 07-09 Lê Vĩnh Khanh, Quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng

Email Booking: vanlt2@winmart.masangroup.com, vannn@winmart.masangroup.com; ; nhinty2@supra.masangroup.com; ngantt5@supra.masangroup.com

Liên hệ: Mr. Văn (0818736194) . Mr Văn (0901953491) . Ms. Nhi (0905.641.603), MS. Nga (0935 324 372)

THÔNG BÁO GIAO HÀNG

Tên NCC: Công Ty Ngọc Thơm

Số ĐT liên hệ: 0918 42 43 25 anh ngọc

| Mã NCC | Tên NCC | Số PO | Ngày dự kiến giao hàng tới kho | Mã CH/ST | Tên CH/ST | Loại hàng (F/C) | Số kiện | Khối lượng (Kg) | Kiểm dịch |
|---------|-----------|------------|--------------------------------|----------|------------------------------------|-----------------|---------|-----------------|--------------|
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179450942 | 12/11/2025 | 1262 | WMP_Fresh_Miền Trung_Mát_SDS | C | 10 | 273.05 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179542987 | 12/11/2025 | 1515 | WM GLI Pleiku | C | 1 | 3.75 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179554764 | 12/11/2025 | 1546 | WM VCP DNG Đà Nẵng | C | 1 | 7 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179512673 | 12/11/2025 | 1607 | WM VCP PYN Tuy Hòa | C | 1 | 3 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179577250 | 12/11/2025 | 1616 | WM VCP TTH Hùng Vương | C | 1 | 4.9 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179487299 | 12/11/2025 | 1682 | WM BDH Quy Nhơn | C | 1 | 8.95 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179450991 | 12/11/2025 | 2A29 | WM+ TTH 46 Hai Bà Trưng | C | 1 | 5.7 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179450998 | 12/11/2025 | 2A75 | WM+ QNI 936 Quang Trung | C | 1 | 3.5 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451000 | 12/11/2025 | 2A94 | WM+ GLI 1107 - 1109 Quang Trung | C | 1 | 3.5 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451002 | 12/11/2025 | 2A96 | WM+ GLI 435 Nguyễn Huệ | C | 1 | 3.5 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451010 | 12/11/2025 | 2AA0 | WM+ TTH 44 Cách Mạng Tháng Tám | C | 1 | 3.2 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451012 | 12/11/2025 | 2AA1 | WM+ GLI 160 Hùng Vương | C | 1 | 3.5 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451016 | 12/11/2025 | 2AA7 | WM+ QTI 473 Lê Duẩn | C | 1 | 3.7 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451018 | 12/11/2025 | 2AAD | WM+ QNM 116 Hùng Vương, Bắc Trà My | C | 1 | 4.75 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451024 | 12/11/2025 | 2AAK | WM+ QNM 21 Huỳnh Thúc Kháng | C | 1 | 5.7 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451032 | 12/11/2025 | 2AB8 | WM+ BDH 512 Quang Trung | C | 1 | 2.95 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451035 | 12/11/2025 | 2ABH | WM+ KTM 888 Hùng Vương | C | 1 | 4 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451040 | 12/11/2025 | 2ABI | WM+ GLI 331 Hùng Vương | C | 1 | 3.5 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451051 | 12/11/2025 | 2ABU | WM+ TTH Lô E3-17&18, KDT Phú Mỹ An | C | 1 | 5.9 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451067 | 12/11/2025 | 2ADD | WM+ KTM 245 Trần Hưng Đạo | C | 1 | 3.5 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451071 | 12/11/2025 | 2ADV | WM+ QTI Số 107 QL 9, Hướng Hóa | C | 1 | 2.6 | CÓ KIỂM DỊCH |

CÔNG TY
TẠI
KIỂM DỊCH
ĐT: 09
Đường Số 1.

| | | | | | | | | | |
|---------|-----------|------------|------------|------|--------------------------------------|---|---|------|--------------|
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451075 | 12/11/2025 | 2AEF | WM+ GLI Trần Hưng Đạo, Krông Pa | C | 1 | 5.9 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451081 | 12/11/2025 | 2AEH | WM+ GLI 380 Quang Trung | C | 1 | 5.1 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451086 | 12/11/2025 | 2AEQ | WM+ BDH 262 Quang Trung | C | 1 | 1.9 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451088 | 12/11/2025 | 2AET | WM+ GLI 176 Hùng Vương | C | 1 | 3.5 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451093 | 12/11/2025 | 2AFB | WM+ TTH 133 Nguyễn Sinh Cung | C | 1 | 5.7 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451114 | 12/11/2025 | 2AGE | WM+ QNI 288 Nguyễn Nghiêm | C | 1 | 3.7 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451117 | 12/11/2025 | 2AGN | WM+ QNI Thừa đất số 139-140, TBD số | C | 1 | 3.9 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451141 | 12/11/2025 | 2AI4 | WM+ QTI 83 Lê Duẩn | C | 1 | 3.35 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451146 | 12/11/2025 | 2AIA | WM+ QTI L1_16-17, VCP Đông Hà | C | 1 | 5.1 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451150 | 12/11/2025 | 2AIM | WM+ QNM Thừa 274, TBD 31 | C | 1 | 3 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451155 | 12/11/2025 | 2AKK | WM+ QNI 1117 Quang Trung | C | 1 | 3.4 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451161 | 12/11/2025 | 2ALA | WM+ QNI 506 Đường 17/3 | C | 1 | 3.8 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451182 | 12/11/2025 | 2ANG | WM+ BDH 403B Nguyễn Huệ | C | 1 | 1.45 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451204 | 12/11/2025 | 2ANM | WM+ QNI 813-815 Võ Nguyên Giáp | C | 1 | 4 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451207 | 12/11/2025 | 2A05 | WM+ PYN 79 Lê Thành Phương | C | 1 | 1.4 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451212 | 12/11/2025 | 2AOB | WM+ QNM 221 Đường Hồ Chí Minh | C | 1 | 11.6 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451220 | 12/11/2025 | 2AOW | WM+ BDH TD 1108, TBD 06, Chợ Dầu Cầu | C | 1 | 3.05 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451221 | 12/11/2025 | 2AP1 | WM+ QTI 118 Tôn Thất Thuyết | C | 1 | 5.7 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451223 | 12/11/2025 | 2APO | WM+ BDH Lô 01 Khu CX4 | C | 1 | 2.35 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451237 | 12/11/2025 | 2AQS | WM+ GLI 31 Phù Đổng | C | 1 | 3.5 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451255 | 12/11/2025 | 2AR3 | WM+ QNI Minh Mỹ, Sơn Tịnh | C | 1 | 3.8 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451263 | 12/11/2025 | 2AS4 | WM+ TTH 70 Đặng Huy Trứ | C | 1 | 8.1 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451292 | 12/11/2025 | 2AU8 | WM+ TTH 57 Bao Vinh | C | 1 | 4.85 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451298 | 12/11/2025 | 2AVA | WM+ BDH Thôn Thọ Lộc 1, Nhơn Thọ | C | 1 | 3.15 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451301 | 12/11/2025 | 2AVN | WM+ BDH Thôn Quy Thuận, Hoài Nhơn | C | 1 | 2.35 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451306 | 12/11/2025 | 2AW1 | WM+ GLI Lô 01 Nguyễn Huệ, Kông Chro | C | 1 | 3.5 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451310 | 12/11/2025 | 2AWD | WM+ QNI Tổ 17, Phan Bội Châu | C | 1 | 5.95 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451325 | 12/11/2025 | 2AX2 | WM+ BDH 231-233 Nguyễn Huệ | C | 1 | 4.6 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451335 | 12/11/2025 | 2AX9 | WM+ QNM TD 18, TBD 2, Thôn Phú Đông | C | 1 | 2.25 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451348 | 12/11/2025 | 2AXN | WM+ TTH Shop S1, Tòa CT3, CC Aranya | C | 1 | 7.2 | CÓ KIỂM DỊCH |

NH PHÚC
 H. Đ. N. P.
 T. 2006
 S. 126 449
 Nhà Cẩm

| | | | | | | | | | |
|---------|-----------|------------|------------|------|--------------------------------------|---|---|------|--------------|
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451355 | 12/11/2025 | 2AXO | WM+ TTH Thế Lại Thượng, Hương Vinh | C | 1 | 6.45 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451363 | 12/11/2025 | 2AXR | WM+ BDH Tăng Bạt Hồ, Hoài Ân | C | 1 | 4.95 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451367 | 12/11/2025 | 2AY9 | WM+ QNM 263 Hùng Vương | C | 1 | 5.6 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451386 | 12/11/2025 | 2AYH | WM+ QNI Tổ 8, Quang Trung | C | 1 | 3.5 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451392 | 12/11/2025 | 2AYR | WM+ TTH Khuông Phò Đông, Quảng Phước | C | 1 | 3 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451398 | 12/11/2025 | 2AYS | WM+ TTH Thôn Mậu Tài, Dương Nổ | C | 1 | 4.85 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451401 | 12/11/2025 | 2AZ7 | WM+ QNM 82 Phạm Văn Đồng | C | 1 | 7.25 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451404 | 12/11/2025 | 2AZD | WM+ BDH 760 Trần Hưng Đạo | C | 1 | 3.4 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451407 | 12/11/2025 | 2AZF | WM+ TTH 1 Mai Lương | C | 1 | 6.45 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451413 | 12/11/2025 | 2AZN | WM+ BDH KP Ca Công, Hoài Nhơn | C | 1 | 1.55 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451432 | 12/11/2025 | 2B18 | WM+ TTH 497 Bùi Thị Xuân | C | 1 | 3.35 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451447 | 12/11/2025 | 2B30 | WM+ TTH 128 Minh Mạng | C | 1 | 5.65 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451455 | 12/11/2025 | 2B47 | WM+ TTH 198 Phạm Văn Đồng | C | 1 | 6.95 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451461 | 12/11/2025 | 2B62 | WM+ QNI Hà Trung, Sơn Tịnh | C | 1 | 3.4 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451465 | 12/11/2025 | 2B64 | WM+ GLI 904B Hùng Vương | C | 1 | 3 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451475 | 12/11/2025 | 2BC7 | WM+ QNI Thôn Chiên Chiết, Bờ Y | C | 1 | 4.6 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451494 | 12/11/2025 | 2BH9 | WM+ TTH 109 Nguyễn Huệ | C | 1 | 6.95 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451503 | 12/11/2025 | 2BI5 | WM+ GLI Tổ Dân Phố 2, Ia Ly | C | 1 | 5.4 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451506 | 12/11/2025 | 2BL2 | WM+ GLI CC Phú Tài Residence | C | 1 | 4.3 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451511 | 12/11/2025 | 2BO1 | WM+ GLI Trường Chinh, Xã Gà | C | 1 | 3.8 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451516 | 12/11/2025 | 2BP0 | WM+ GLI Hùng Vương, Phú Túc | C | 1 | 4 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451538 | 12/11/2025 | 2BQ2 | WM+ TTH 297 Điện Biên Phủ | C | 1 | 7.2 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451550 | 12/11/2025 | 2BR5 | WM+ GLI 108 Lê Thánh Tôn | C | 1 | 3.6 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451568 | 12/11/2025 | 2BX2 | WM+ DNG Thôn Hà Bình, Thăng An | C | 1 | 15.5 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451927 | 12/11/2025 | 4624 | WM+ TTH 89 Trường Chinh | C | 1 | 2.6 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451937 | 12/11/2025 | 4629 | WM+ TTH 50 Phan Bội Châu | C | 1 | 6.45 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451949 | 12/11/2025 | 4689 | WM+ TTH 156 Nguyễn Trãi | C | 1 | 5.25 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451980 | 12/11/2025 | 4845 | WM+ TTH 175 Phan Bội Châu | C | 1 | 5.95 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451994 | 12/11/2025 | 4894 | WM+ QNI 39 Trương Định | C | 1 | 4.6 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179451999 | 12/11/2025 | 4899 | WM+ GLI 306 CMT8 | C | 1 | 3.1 | CÓ KIỂM DỊCH |

00302
 0011
 0017
 091-00
 0905 7E
 06m L6.1

| | | | | | | | | | |
|---------|-----------|------------|------------|------|-------------------------------------|---|------------|---------------|--------------|
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179452011 | 12/11/2025 | 4909 | WM+ GLI 32 Lê Duẩn | C | 1 | 4.4 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179452016 | 12/11/2025 | 4910 | WM+ GLI 115 Cách Mạng Tháng 8 | C | 1 | 3.6 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179452019 | 12/11/2025 | 4947 | WM+ GLI 27-29 Nguyễn Văn Trỗi | C | 1 | 2.7 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179452048 | 12/11/2025 | 5152 | WM+ TTH 58 Chu Văn An | C | 1 | 5.7 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179452066 | 12/11/2025 | 5179 | WM+ TTH 102 Điện Biên Phủ | C | 1 | 5.7 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179452086 | 12/11/2025 | 5220 | WM+ TTH 47 Hồ Dắc Di | C | 1 | 6.2 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179452092 | 12/11/2025 | 5229 | WM+ QNI 107 Phan Chu Trinh | C | 1 | 5.2 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179452112 | 12/11/2025 | 5398 | WM+ TTH 26 Võ Liêm Sơn | C | 1 | 5.6 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179452123 | 12/11/2025 | 5527 | WM+ TTH 162 Bùi Thị Xuân | C | 1 | 6.45 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179452158 | 12/11/2025 | 5893 | WM+ TTH 04 Nhật Lệ | C | 1 | 6.45 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179452172 | 12/11/2025 | 6161 | WM+ QNI 200 Hùng Vương | C | 1 | 5.7 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179452176 | 12/11/2025 | 6170 | WM+ GLI 04 Trường Sơn, TP Pleiku | C | 1 | 3.7 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179452197 | 12/11/2025 | 6284 | WM+ TTH 27 Mai Thúc Loan | C | 1 | 6.45 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179452241 | 12/11/2025 | 6361 | WM+ KTM 625 Duy Tân | C | 1 | 5.4 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179452255 | 12/11/2025 | 6420 | WM+ KTM 209A Trần Phú | C | 1 | 4.4 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179452263 | 12/11/2025 | 6494 | WM+ QNM 120 Trần Thủ Độ, Điện Bàn | C | 1 | 5.75 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179452269 | 12/11/2025 | 6553 | WM+ QNM 233 Tiểu La, Thăng Bình | C | 1 | 2 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179452274 | 12/11/2025 | 6588 | WM+ BDH 292 - 294 Trần Hưng Đạo, Qu | C | 1 | 2.6 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179452288 | 12/11/2025 | 6700 | WM+ BDH 210 Âu Cơ, Quy Nhơn | C | 1 | 3.7 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179452293 | 12/11/2025 | 6720 | WM+ KTM 258 Trần Khánh Dư | C | 1 | 2.25 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179452307 | 12/11/2025 | 6901 | WM+ QTI 106 QL9B, Đông Hà | C | 1 | 2.4 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179452310 | 12/11/2025 | 6902 | WM+ QTI 87 Hùng Vương, Hải Lăng | C | 1 | 2.85 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179452339 | 12/11/2025 | 6971 | WM+ GLI 42 Nguyễn Huệ, Đoàn Kết | C | 1 | 3 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179452342 | 12/11/2025 | 6972 | WM+ GLI 435 Hùng Vương, Phú Thiện | C | 1 | 3 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179452346 | 12/11/2025 | 6973 | WM+ QTI 49 Trần Phú, Vĩnh Linh | C | 1 | 2.8 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179452360 | 12/11/2025 | 6987 | WM+ TTH 65 An Cư Đông | C | 1 | 2.55 | CÓ KIỂM DỊCH |
| | | | | | Tổng | | 116 | 750.50 | |

NCC giao hàng
(Kí ghi rõ họ tên)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
THƯƠNG MAI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM
MST: 0309391503
12 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Xuân Trường, Thủ Đức, TP HCM

Nhà Vận Chuyển
(Kí ghi rõ họ tên)

Kho Nhận hàng
(Kí ghi rõ họ tên)

CN CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM
TẠI THẠCH LÂM, HỒ CHÍ MINH
KHO PRESHIA (KINH DOANH)
MST: 0309391503
ĐT: 0903 36449 - 0905 781
Đường Số 1, KCN Hòa Cầm, Q Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng

ÉT VÁN
INI
ACHT
ĐÀ NẴNG

Tên Nhà cung cấp: Công ty Ngọc Thơm

Mã Nhà cung cấp: 2003606

Mã số đơn đặt hàng:

4179450942

Ngày giao hàng: 12/11/2025

Siêu Thị/ Cửa hàng:

1262-WMP_Fresh_Miền Trung_Mát_SDS

| STT | Mã hàng | Mã vạch | Tên hàng | DVT | Số lượng giao | Thực nhận | Ghi chú |
|-----|----------|---------------|-----------------------|-----|---------------|-----------|---------|
| 1 | 10005984 | 8938529045856 | CHÂN GIÒ MUỐI 300G | TÚI | 129 | 129 | |
| 2 | 10005986 | 8938529045924 | GÀ MUỐI 500G | TÚI | 120 | 120 | |
| 3 | 10005987 | 8938529045627 | TAI HEO MUỐI 200G | TÚI | 95 | 95 | |
| 4 | 10638307 | 8938529045030 | GIÒ TAI LƯỚI XÀO 250G | TÚI | 117 | 117 | |
| 5 | 10638308 | 8938529045047 | MỘC NẤM HƯƠNG 250G | TÚI | 72 | 72 | |
| 6 | 10182351 | 8938529045139 | CHẢ CỐM 300G | TÚI | 93 | 93 | |
| 7 | 10182350 | 8938529045207 | CHẢ NƯỚNG 300G | TÚI | 104 | 104 | |
| 8 | 10182348 | 8938529045177 | GIÒ LỤA 250G | TÚI | 101 | 101 | |
| 9 | 10184167 | 8938529045917 | GÀ XÌ DẦU 500G | TÚI | 43 | 43 | |
| 10 | 10182349 | 8938529045191 | GIÒ SỤN GÀ 250G | TÚI | 9 | 09 | |

Nhà cung cấp
(Ký và ghi rõ họ tên)

An ninh
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nhân viên nhận hàng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngành hàng
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thiên Trang

HAI BÌNH TỬ TUYÊN QUANG PHƯƠNG ĐIỆP VÀO
CÁI THANG QUỐC HỒ CHÍ MINH
KHU FRESH DA NẮNG (VFRACHT)
MST: 2300640991-001
ĐT: 0905 126 447 * 0905 781
Đường Số 1, KCN Hạng Cấp 1, Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng

Tuyên

Nguyễn
12/11/25

Hàng Mát (C) : Đường Số 1 KCN Hòa Cẩm ,Phường Cẩm Lệ, Thành Phố Đà Nẵng

Hàng Đông (F) : Kho Đức Thịnh, 07-09 Lê Vĩnh Khanh, Quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng

Email Booking: vanl2@winmart.masangroup.com, vanna@winmart.masangroup.com, nhinty2@supra.masangroup.com, ngant5@supra.masangroup.com

Liên hệ: Mr. Văn (0818736194) , Mr. Văn (0901953491) , Ms. Nhi (0905.641.603) , MS. Nga (0935 324 372)

THÔNG BÁO GIAO HÀNG

Tên NCC: Công Ty Ngọc Thơm

Số ĐT liên hệ: 0918 42 43 25 anh ngọc

| Mã NCC | Tên NCC | Số PO | Ngày dự kiến giao hàng tới kho | Mã CH/ST | Tên CH/ST | Loại hàng (F/C) | Số kiện | Khối lượng (Kg) | Kiểm dịch |
|---------|-----------|------------|--------------------------------|----------|-------------------------------------|-----------------|---------|-----------------|--------------|
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821131 | 19/11/2025 | 1262 | WMP_Fresh_Miền Trung_Mát_SDS | C | 10 | 304.4 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179917059 | 19/11/2025 | 1546 | WM VCP DNG Đà Nẵng | C | 1 | 3 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179866155 | 19/11/2025 | 1607 | WM VCP PYN Tuy Hòa | C | 1 | 3.75 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179907509 | 19/11/2025 | 1623 | WM VCP QNI Quảng Ngãi | C | 1 | 7.4 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179718866 | 19/11/2025 | 1680 | WM VCP KTM Kontum | C | 1 | 10.4 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821268 | 19/11/2025 | 2A03 | WM+ QNM 486 Hùng Vương, Duy Xuyên | C | 1 | 12.4 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821289 | 19/11/2025 | 2A96 | WM+ GLI 435 Nguyễn Huệ | C | 1 | 3.7 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821294 | 19/11/2025 | 2AA4 | WM+ BDH 17 Trường Chinh | C | 1 | 5.2 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821306 | 19/11/2025 | 2AAG | WM+ QTI 72 Võ Nguyên Giáp, Gio Linh | C | 1 | 3.25 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821316 | 19/11/2025 | 2AAV | WM+ QNM 693-695 Hùng Vương | C | 1 | 12.4 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821325 | 19/11/2025 | 2ABI | WM+ GLI 331 Hùng Vương | C | 1 | 2.9 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821331 | 19/11/2025 | 2ABS | WM+ BDH 206 Trần Phú | C | 1 | 4.1 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821358 | 19/11/2025 | 2AC1 | WM+ QTI 352 Trần Hưng Đạo | C | 1 | 3.1 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821366 | 19/11/2025 | 2ACV | WM+ QNM 57 Hùng Vương | C | 1 | 12.1 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821374 | 19/11/2025 | 2ADV | WM+ QTI Số 107 QL 9, Hướng Hóa | C | 1 | 4.5 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821381 | 19/11/2025 | 2ADX | WM+ QNI 01 Bích Khê | C | 1 | 2.95 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821398 | 19/11/2025 | 2AGC | WM+ QNI 129 Lê Thánh Tôn | C | 1 | 3.6 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821399 | 19/11/2025 | 2AGE | WM+ QNI 288 Nguyễn Nghiêm | C | 1 | 3.2 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821437 | 19/11/2025 | 2AIE | WM+ BDH 143 Thành Thái | C | 1 | 3.25 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821441 | 19/11/2025 | 2AIL | WM+ QNM DT609 Thôn Quảng Huế | C | 1 | 9.5 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821465 | 19/11/2025 | 2ALA | WM+ QNI 506 Đường 17/3 | C | 1 | 3.6 | CÓ KIỂM DỊCH |

CHỖ ĐÓNG CHỮ
TÀI TRƯỞNG
KHO HÀNG
HỌ TÊN
Số 107 QL 9

| | | | | | | | | | |
|---------|-----------|------------|------------|------|--------------------------------------|---|---|-------|--------------|
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821495 | 19/11/2025 | 2AMQ | WM+ QNM DT610B Thôn Báo An | C | 1 | 13.05 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821499 | 19/11/2025 | 2AMS | WM+ BDH 286 Quang Trung | C | 1 | 6.5 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821502 | 19/11/2025 | 2AMW | WM+ BDH 16-18 Lê Hồng Phong | C | 1 | 4.35 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821504 | 19/11/2025 | 2AN6 | WM+ BDH 488 Quang Trung | C | 1 | 2.6 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821505 | 19/11/2025 | 2AN9 | WM+ PYN Phú Long, Tuy An | C | 1 | 3.35 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821507 | 19/11/2025 | 2ANG | WM+ BDH 403B Nguyễn Huệ | C | 1 | 2.75 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821514 | 19/11/2025 | 2AO5 | WM+ PYN 79 Lê Thành Phương | C | 1 | 3.3 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821517 | 19/11/2025 | 2AO7 | WM+ TTH 73 Sóng Hồng | C | 1 | 3.6 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821535 | 19/11/2025 | 2AOF | WM+ QNM TĐ 1081-1082, TBD 02, Bà Rén | C | 1 | 8.1 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821541 | 19/11/2025 | 2AOH | WM+ QNM 10C Hoàng Sa | C | 1 | 9.65 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821583 | 19/11/2025 | 2AOY | WM+ QNM Đường DT 610B, Thôn Hà An | C | 1 | 7.8 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821589 | 19/11/2025 | 2AOZ | WM+ QNM Đường DT609, Thôn Hà Nha | C | 1 | 14 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821598 | 19/11/2025 | 2APC | WM+ BDH 44-45-Khu H, KDC Đông | C | 1 | 4.1 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821607 | 19/11/2025 | 2APH | WM+ QNM Thửa 980-981, TBD 22 | C | 1 | 9.2 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821613 | 19/11/2025 | 2APJ | WM+ QNM 98 DH2, KP. Triêm Trung 2 | C | 1 | 11.2 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821637 | 19/11/2025 | 2APO | WM+ BDH Lô 01 Khu CX4 | C | 1 | 3.1 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821646 | 19/11/2025 | 2AQ6 | WM+ QNM Gia Huệ, Đại Lộc | C | 1 | 5.75 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821646 | 19/11/2025 | 2AQ9 | WM+ QNM 1140 Hùng Vương | C | 1 | 8.1 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821652 | 19/11/2025 | 2AQD | WM+ QNM 153 Quốc Lộ 1A, Điện Phương | C | 1 | 7.6 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821658 | 19/11/2025 | 2ASI | WM+ BDH Lô 28 - Khu NNT2 | C | 1 | 4.4 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821672 | 19/11/2025 | 2ASX | WM+ QNM Thôn Thanh Vân, Đại Cường | C | 1 | 8 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821693 | 19/11/2025 | 2ATG | WM+ QNM Đường DH4.DX, Thôn Hà Mỹ | C | 1 | 7.6 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821704 | 19/11/2025 | 2ATH | WM+ QNM 07 - 09 Tôn Đức Thắng | C | 1 | 7.5 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821710 | 19/11/2025 | 2ATI | WM+ QNM 204 DT609, Thôn Nhị Đình 3 | C | 1 | 7.3 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821716 | 19/11/2025 | 2ATT | WM+ BDH 147 Trần Hưng Đạo | C | 1 | 3.35 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821720 | 19/11/2025 | 2AVB | WM+ QNM Điện Thắng Trung, Điện Bàn | C | 1 | 8.7 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821756 | 19/11/2025 | 2AW0 | WM+ QNM Thửa 17/1, TBD 12, DT610 | C | 1 | 7.2 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821794 | 19/11/2025 | 2AW2 | WM+ PYN Thửa 1019, TBD 38, QL29 | C | 1 | 3.1 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821800 | 19/11/2025 | 2AWD | WM+ QNI Tổ 17, Phan Bội Châu | C | 1 | 5 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821803 | 19/11/2025 | 2AWJ | WM+ QNM Thôn La Huân, Điện Thọ | C | 1 | 7.7 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821821 | 19/11/2025 | 2AWJ | WM+ QNM Thôn La Huân, Điện Thọ | C | 1 | 7.7 | CÓ KIỂM DỊCH |

| | | | | | | | | | |
|---------|-----------|------------|------------|------|-------------------------------------|---|---|------|--------------|
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821828 | 19/11/2025 | 2AX1 | WM+ QNM Thừa 1060-1739, DT609 | C | 1 | 5.05 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821832 | 19/11/2025 | 2AX2 | WM+ BDH 231-233 Nguyễn Huệ | C | 1 | 4.65 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821884 | 19/11/2025 | 2AZC | WM+ BDH Tổ 3, KV 7, Trần Quang Diệu | C | 1 | 1.85 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821887 | 19/11/2025 | 2AZD | WM+ BDH 760 Trần Hưng Đạo | C | 1 | 4.95 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821895 | 19/11/2025 | 2AZE | WM+ BDH Phú Phong, Tây Sơn | C | 1 | 5.2 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821924 | 19/11/2025 | 2B32 | WM+ QNI Hùng Vương, Đắk Tô | C | 1 | 3.5 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821931 | 19/11/2025 | 2B47 | WM+ TTH 198 Phạm Văn Đồng | C | 1 | 7.7 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821948 | 19/11/2025 | 2BA6 | WM+ TTH 65 Tùng Thiện Vương | C | 1 | 6.7 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821973 | 19/11/2025 | 2BAE | WM+ TTH Kinh Dương Vương, Thuận An | C | 1 | 8.15 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821991 | 19/11/2025 | 2BG0 | WM+ TTH Số 40 Dạ Lê | C | 1 | 3.5 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179821997 | 19/11/2025 | 2BI4 | WM+ GLI Tổ 06, Trường Sơn | C | 1 | 4.25 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822001 | 19/11/2025 | 2BI6 | WM+ GLI Tùng Giản, Tuy Phước Đông | C | 1 | 3.6 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822005 | 19/11/2025 | 2BK3 | WM+ GLI Hiệp Hội, Vân Canh | C | 1 | 4.2 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822008 | 19/11/2025 | 2BL2 | WM+ GLI CC Phú Tài Residence | C | 1 | 5.7 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822021 | 19/11/2025 | 2BO1 | WM+ GLI Trường Chinh, Xã Gào | C | 1 | 2.45 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822026 | 19/11/2025 | 2BP8 | WM+ GLI 62 Nguyễn Văn Cừ | C | 1 | 3.65 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822060 | 19/11/2025 | 2BS8 | WM+ GLI 59 Nguyễn Viết Xuân | C | 1 | 3.6 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822068 | 19/11/2025 | 2BX2 | WM+ DNG Thôn Hà Bình, Thăng An | C | 1 | 6.6 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822070 | 19/11/2025 | 2BY9 | WM+ GLI 31 - 33 Hồng Lĩnh | C | 1 | 4.1 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822419 | 19/11/2025 | 4894 | WM+ QNI 39 Trương Định | C | 1 | 4 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822431 | 19/11/2025 | 4900 | WM+ GLI 105-107 Thống Nhất | C | 1 | 3.15 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822445 | 19/11/2025 | 4909 | WM+ GLI 32 Lê Duẩn | C | 1 | 5.3 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822453 | 19/11/2025 | 4910 | WM+ GLI 115 Cách Mạng Tháng 8 | C | 1 | 3.1 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822487 | 19/11/2025 | 4980 | WM+ QTI 158 Lê Lợi | C | 1 | 3.1 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822490 | 19/11/2025 | 4981 | WM+ QTI 52 Tôn Thất Thuyết | C | 1 | 4 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822504 | 19/11/2025 | 5013 | WM+ QNI 330-332 Nguyễn Văn Linh | C | 1 | 3.9 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822509 | 19/11/2025 | 5033 | WM+ QTI 35 Hùng Vương | C | 1 | 2.55 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822511 | 19/11/2025 | 5035 | WM+ QTI 150 Nguyễn Du | C | 1 | 2.3 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822535 | 19/11/2025 | 5087 | WM+ QNI 776 Quang Trung | C | 1 | 5.7 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822549 | 19/11/2025 | 5180 | WM+ QNI 10 Nguyễn Thụy | C | 1 | 2.6 | CÓ KIỂM DỊCH |

| | | | | | | | | | |
|---------|-----------|------------|------------|------|-------------------------------------|---|---|------------|---------------|
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822572 | 19/11/2025 | 5229 | WM+ QNI 107 Phan Chu Trinh | C | 1 | 3.3 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822678 | 19/11/2025 | 5860 | WM+ QNM 274 Trần Nhân Tông, Điện Bà | C | 1 | 7 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822685 | 19/11/2025 | 5883 | WM+ GLI 40B Hùng Vương | C | 1 | 5.4 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822711 | 19/11/2025 | 6183 | WM+ QNI 658 Nguyễn Văn Linh | C | 1 | 3.35 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822722 | 19/11/2025 | 6285 | WM+ QTI 126 Lý Thường Kiệt, Đông Hà | C | 1 | 4.85 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822749 | 19/11/2025 | 6351 | WM+ GLI 230 Phan Đình Phùng | C | 1 | 2.9 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822770 | 19/11/2025 | 6365 | WM+ QNM 199 Lý Thái Tổ | C | 1 | 7.2 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822776 | 19/11/2025 | 6407 | WM+ QNM 101 Huỳnh Ngọc Huệ, Đại Lộc | C | 1 | 3.5 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822805 | 19/11/2025 | 6555 | WM+ QNM 65 Đỗ Đăng Tuyển, Đại Lộc | C | 1 | 5.85 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822812 | 19/11/2025 | 6587 | WM+ BDH 172B Nguyễn Thái Học, Quy N | C | 1 | 2.85 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822839 | 19/11/2025 | 6588 | WM+ BDH 292 - 294 Trần Hưng Đạo, Qu | C | 1 | 3.45 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822845 | 19/11/2025 | 6598 | WM+ BDH 80 Vũ Báo, Quy Nhơn | C | 1 | 3.65 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822854 | 19/11/2025 | 6599 | WM+ BDH 32 Hoàng Văn Thụ, Quy Nhơn | C | 1 | 3.85 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822869 | 19/11/2025 | 6638 | WM+ KTM 51 Nguyễn Văn Linh | C | 1 | 2.9 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822884 | 19/11/2025 | 6648 | WM+ GLI 45C Phan Đình Phùng | C | 1 | 3.2 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822892 | 19/11/2025 | 6661 | WM+ BDH 251 Hoàng Văn Thụ, Quy Nhơn | C | 1 | 1.35 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822902 | 19/11/2025 | 6700 | WM+ BDH 210 Âu Cơ, Quy Nhơn | C | 1 | 3.55 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822911 | 19/11/2025 | 6720 | WM+ KTM 258 Trần Khánh Dư | C | 1 | 2.85 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822918 | 19/11/2025 | 6733 | WM+ BDH 48 Chương Dương, Quy Nhơn | C | 1 | 3.9 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822942 | 19/11/2025 | 6904 | WM+ QTI Quốc Lộ 9, Hướng Hoá | C | 1 | 2.9 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822943 | 19/11/2025 | 6905 | WM+ QTI 101 Hai Bà Trưng, Quảng Trị | C | 1 | 3.5 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179822947 | 19/11/2025 | 6906 | WM+ QTI 08-08A Trần Hưng Đạo, Quảng | C | 1 | 3 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4179823011 | 19/11/2025 | 6987 | WM+ TTH 65 An Cư Đông | C | 1 | 3.2 | CÓ KIỂM DỊCH |
| | | | | | Tổng | | | 113 | 833.25 |

NCC giao hàng
Kí ghi rõ họ tên
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM
MST: 0309391503
12/14/18 Đường 4B, KP.7, P. Hòa Bình Chánh, TP. Thủ Đức, TP. HCM

Nguyễn Thiên Trang

Nhà Vận Chuyển
(Kí ghi rõ họ tên)

CÔNG TY TNHH SAMSUNG KHS VIỆT NAM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHO FREIGHT DANANG (VERACHT)
MST: 0309012544
ĐT: 0903 125 449 - 0913 75
09 935 1 807

Kho Nhận hàng
(Kí ghi rõ họ tên)

Ông Phước Thành



THÔNG BÁO GIAO HÀNG

Tên Nhà cung cấp: Công ty Ngọc Thơm

Mã Nhà cung cấp: 2003606

Mã số đơn đặt hàng:

4179821131

Ngày giao hàng: 19/11/2025

Siêu Thị / Cửa hàng:

1262-WMP_Fresh_Miền Trung_Mát_SDS

| STT | Mã hàng | Mã vạch | Tên hàng | DVT | Số lượng giao | Thực nhận | Ghi chú |
|-----|----------|---------------|-----------------------|-----|---------------|-----------|---------|
| 1 | 10005984 | 8938529045856 | CHĂN GIÒ MUỐI 300G | TÚI | 190 | 190 | |
| 2 | 10005986 | 8938529045924 | GÀ MUỐI 500G | TÚI | 97 | 97 | |
| 3 | 10005987 | 8938529045627 | TAI HEO MUỐI 200G | TÚI | 119 | 119 | |
| 4 | 10638307 | 8938529045030 | GIÒ TAI LƯỚI XẢO 250G | TÚI | 138 | 138 | |
| 5 | 10638308 | 8938529045047 | MỘC NẤM HƯƠNG 250G | TÚI | 55 | 55 | |
| 6 | 10182351 | 8938529045139 | CHẢ CỐM 300G | TÚI | 104 | 104 | |
| 7 | 10182350 | 8938529045207 | CHẢ NƯỚNG 300G | TÚI | 93 | 93 | |
| 8 | 10182348 | 8938529045177 | GIÒ LỤA 250G | TÚI | 141 | 141 | |
| 9 | 10184167 | 8938529045917 | GÀ XÌ DẦU 500G | TÚI | 61 | 61 | |
| 10 | 10182349 | 8938529045191 | GIÒ SỤN GÀ 250G | TÚI | 8 | 08 | |

Nhà cung cấp
(Ký và ghi rõ họ tên)

An ninh
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nhân viên nhận hàng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngành hàng
(Ký và ghi rõ họ tên)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM
MST: 0309391503
12/14/18 Đường 48, KP. 7, P. Hiệp Bình Chánh, TP. Thủ Đức, TP. HCM

Nguyễn Thiên Trang

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SAMSUNG SDS VIỆT
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHO FRESH PLATFORM ĐÀ NẴNG
Đường số 1 KCN Hòa Cẩm, Q. Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng

Nguyễn

19.11.25

Nguyễn Văn Thuyết

BIÊN BẢN NHẬN HÀNG PO-184819

17/11/2025

Khách hàng: VIN-919 WINCOMMERCE- XDOCK

Nhà cung cấp: 2003606 NGOC THOM-C

Nhiệt độ yêu cầu:

Giờ xe đến:

Loại hàng: HÀNG MÁT

Số xe:

Giờ nhận hàng:

Loại xe giao hàng:

Nhiệt độ trong xe ngay khi mở cửa xe: °C

Nhiệt độ kiện hàng ngẫu nhiên: °C

Giờ kết thúc:

Nếu nhiệt độ kiện hàng không đạt yêu cầu thì SCS chỉ nhận hàng, nhà cung cấp hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu hư hỏng xảy ra trong quá trình vận chuyển:

Đồng ý Không đồng ý

Tình trạng kiện hàng: Thùng rách Hư hỏng Mùi hôi Bẩn Móp méo Ướt, chảy nước

| Mã hàng | Tên hàng | Mã kho | Tên kho | Số SO | Nhận hàng thực tế | | | | Ghi chú |
|--------------|-------------------|--------|------------------|--------------|-------------------|-------|-------|---------|---------|
| | | | | | Net(kgs) | Gross | Thùng | Khay2.5 | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 1518 | WM Mỹ Phước | 4179903232 ✓ | 6.3 | 6.3 | 1 | | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 1529 | WM Buôn Mê Thuột | 4179903146 ✓ | 3.7 | 3.7 | 1 | | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 1602 | WM Hậu Giang | 4179923962 ✓ | 4.7 | 4.7 | 1 | | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 2A32 | WM+ BPC 847 Tôn | 4179834534 ✓ | 6.3 | 6.3 | 1 | | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 2AHV | WM+ CTO 8C/1 Đư | 4179941484 ✓ | 3.1 | 3.1 | 1 | | |
| TOTAL: | | | | | 24.10 | 24.10 | 5 | | |
| GRAND TOTAL: | | | | | 24.10 | 24.10 | 5 | | |

SCSVN

Lưu ý: nhà cung cấp phải niêm phong
thùng hàng khi gửi tới kho lạnh Lineage
Logistics Việt Nam

Nhà cung cấp/ NVC

(Kí, ghi rõ họ tên và số điện thoại)
Tất cả các thùng hàng đã được kiểm
tra niêm phong



BIÊN BẢN NHẬN HÀNG PO-184872

18/11/2025

Khách hàng: VIN-919 WINCOMMERCE- XDOCK

Nhà cung cấp: 2003606 NGỌC THƠM-C

Loại hàng: **HÀNG MÁT**

Nhiệt độ yêu cầu:

Giờ xe đến:

Loại xe giao hàng:

Số xe:

Giờ nhận hàng:

Giờ kết thúc:

Nhiệt độ trong xe ngay khi mở cửa xe: °C

Nhiệt độ kiện hàng ngẫu nhiên: °C

Nếu nhiệt độ kiện hàng không đạt yêu cầu thì SCS chỉ nhận hàng, nhà cung cấp hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu hư hỏng xảy ra trong quá trình vận chuyển:

Đồng ý Không đồng ý

Tình trạng kiện hàng: Thùng rách Hư hỏng Mùi hôi Bẩn Móp méo Ướt, chảy nước

| Mã hàng | Tên hàng | Mã kho | Tên kho | Số SO | Nhận hàng thực tế | | | Ghi chú |
|---------------------|-------------------|--------|------------------|------------|-------------------|---------------|-----------------------|---------|
| | | | | | Net(kgs) | Gross | Thùng Khay2.5 Khay1.6 | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 1599 | WM Kiên Giang | 4180004497 | 4.7 | 4.7 | 1 | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 1615 | WM Tây Ninh | 4179970118 | 6.7 | 6.7 | 1 | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 1617 | WM Bảo Lộc | 4179970239 | 9.5 | 9.5 | 1 | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 1642 | WM Trần Phú | 4179967976 | 3.5 | 3.5 | 1 | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 1679 | WM Ninh Hòa | 4180013641 | 4.5 | 4.5 | 1 | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 1705 | WM Gateway Vũng | 4179941581 | 7.5 | 7.5 | 1 | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 2BQ4 | WM+ KHA 45 Ngụy | 4179963786 | 3.3 | 3.3 | 1 | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 3396 | WIN VTU 1003/56 | 4179977394 | 6.4 | 6.4 | 1 | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 3397 | WIN VTU 921 Bình | 4179981366 | 5.2 | 5.2 | 1 | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 3444 | WIN VTU 890 đườn | 4179844550 | 8.0 | 8.0 | 1 | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 3604 | WM+ TGG 152 Lý T | 4179981238 | 4.6 | 4.6 | 1 | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 3794 | WM+ KHA 8 Ngụyễ | 4180011275 | 6.5 | 6.5 | 1 | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 4224 | WIN VTU 1481 đườ | 4179971506 | 4.4 | 4.4 | 1 | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 4297 | WIN VTU 40 Đô Lư | 4179844663 | 4.4 | 4.4 | 1 | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 4562 | WM+ AGG 244-245 | 4179951785 | 2.9 | 2.9 | 1 | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 4866 | WM+ KGG 14 Trần | 4179962518 | 3.1 | 3.1 | 1 | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 5046 | WM+ CMU 418 Trần | 4179969985 | 2.5 | 2.5 | 1 | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 5228 | WM+ KGG 6 Mai Th | 4179969626 | 2.8 | 2.8 | 1 | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 5648 | WIN VTU 117 Ngụy | 4179247519 | 3.8 | 3.8 | 1 | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 5984 | WM+ LAN 78 Ngụyễ | 4179979662 | 2.7 | 2.7 | 1 | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 6354 | WM+ KGG 250 Lâm | 4179971460 | 3.5 | 3.5 | 1 | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 6590 | WIN VTU 764 Đườ | 4179844798 | 4.5 | 4.5 | 1 | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 6651 | WM+ TGG 378 Lê T | 4179974383 | 2.2 | 2.2 | 1 | |
| TOTAL: | | | | | 107.20 | 107.20 | 23 | |
| GRAND TOTAL: | | | | | 107.20 | 107.20 | 23 | |

SCSVN

Lưu ý: nhà cung cấp phải niêm phong thùng hàng khi gửi tới kho lạnh Lineage Logistics Việt Nam

Nhà cung cấp/ NVC

(Kí, ghi rõ họ tên và số điện thoại)
Tất cả các thùng hàng đã được kiểm tra niêm phong



Thư

BIÊN BẢN NHẬN HÀNG PO-184995

19/11/2025

Khách hàng: VIN-919 WINCOMMERCE- XDOCK

Nhà cung cấp: 2003606 NGOC THOM-C

Nhiệt độ yêu cầu:

Giờ xe đến:

Loại hàng: **HÀNG MÁT**

Số xe:

Giờ nhận hàng:

Loại xe giao hàng:

Nhiệt độ trong xe ngay khi mở cửa xe: °C

Nhiệt độ kiện hàng ngẫu nhiên: °C

Giờ kết thúc:

Nếu nhiệt độ kiện hàng không đạt yêu cầu thì SCS chỉ nhận hàng, nhà cung cấp hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu hư hỏng xảy ra trong quá trình vận chuyển:

Đồng ý Không đồng ý

Tình trạng kiện hàng: Thùng rách Hư hỏng Mùi hôi Bẩn Móp méo Ướt, chảy nước

| Mã hàng | Tên hàng | Mã kho | Tên kho | Số SO | Nhận hàng thực tế | | | | | Ghi chú |
|---------------------|-------------------|--------|------------------|------------|-------------------|-------|-------|---------|---------|---------|
| | | | | | Net(kgs) | Gross | Thùng | Khay2.5 | Khay1.6 | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 1591 | WM Long Thành | 4179979549 | ✓ | 3.4 | 3.4 | 1 | | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 2AA8 | WM+ CTO 132 Đườ | 4180044243 | ✓ | 5.8 | 5.8 | 1 | | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 3902 | WM+ CTO Thừa 12 | 4179979671 | ✓ | 5.5 | 5.5 | 1 | | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 4318 | WM+ BDG thừa 164 | 4180072157 | ✓ | 4.3 | 4.3 | 1 | | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 4618 | WM+ BTN 29B Ngu | 4179979816 | ✓ | 4.5 | 4.5 | 1 | | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 4673 | WIN DNI 27 Phùng | 4179844729 | ✓ | 3.8 | 3.8 | 1 | | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 4730 | WM+ CTO 35 Nguy | 4180069522 | ✓ | 5.0 | 5.0 | 1 | | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 6250 | WM+ CTO 51D1 Đư | 4180016927 | ✓ | 4.5 | 4.5 | 1 | | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 6756 | WM+ CTO 09 Trần | 4180059314 | ✓ | 3.5 | 3.5 | 1 | | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 6798 | WM+ CTO 118 Đườ | 4179963695 | ✓ | 3.0 | 3.0 | 1 | | |
| TOTAL: | | | | | | 43.30 | 43.30 | 10 | | |
| GRAND TOTAL: | | | | | | 43.30 | 43.30 | 10 | | |

SCSVN

Lưu ý: nhà cung cấp phải niêm phong
thùng hàng khi gửi tới kho lạnh Lineage
Logistics Việt Nam

Nhà cung cấp/ NVC

(Kí, ghi rõ họ tên và số điện thoại)
Tất cả các thùng hàng đã được kiểm
tra niêm phong

Lineage®
CÔNG TY TNHH EMERGENT COLD VIỆT NAM
Số 18, đường số 6, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tel: 02743-737689
Email: vn-songthan.vinmart@onelineage.com

Nguyen Thi Hien

(Handwritten signature)

BIÊN BẢN NHẬN HÀNG PO-185034

20/11/2025

Khách hàng: VIN-919 WINCOMMERCE- XDOCK

Nhà cung cấp: 2003606 NGOC THOM-C

Loại hàng: HÀNG MÁT

Nhiệt độ yêu cầu:

Giờ xe đến:

Loại xe giao hàng:

Số xe: 59PA-10071

Giờ nhận hàng:

Giờ kết thúc: 20/11/2025 11:52:00

Nhiệt độ trong xe ngay khi mở cửa xe: °C

Nhiệt độ kiện hàng ngẫu nhiên: °C

Nếu nhiệt độ kiện hàng không đạt yêu cầu thì SCS chỉ nhận hàng, nhà cung cấp hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu hư hỏng xảy ra trong quá trình vận chuyển:

Đồng ý Không đồng ý

Tình trạng kiện hàng: Thùng rách Hư hỏng Mùi hôi Bẩn Móp méo Ướt, chảy nước

| Mã hàng | Tên hàng | Mã kho | Tên kho | Số SO | Nhận hàng thực tế | | | | Ghi chú |
|--------------|-------------------|--------|-------------------|--------------|-------------------|-------|-------|---------|---------|
| | | | | | Net(kgs) | Gross | Thùng | Khay2.5 | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 2B00 | WM+ KHA Thanh Mi | 4180075645 ✓ | 6.5 | 6.5 | 1 | | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 3695 | WIN VTU 11-11A L | 4179964216 ✓ | 3.5 | 3.5 | 1 | | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 4034 | WM+ KHA BT01-18 | 4180070557 ✓ | 3.0 | 3.0 | 1 | | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 5391 | WM+ VTU Tổ 3, Ấp | 4180061896 ✓ | 7.9 | 7.9 | 1 | | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 5719 | WM+ KHA 19 Đườn | 4180120012 | 5.8 | 5.8 | 1 | | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 6286 | WM+ KHA Lô 98 - 9 | 4180065970 ✓ | 5.3 | 5.3 | 1 | | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 6772 | WM+ TNN 617 Lạc | 4180035306 ✓ | 3.6 | 3.6 | 1 | | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 6786 | WM+ TNH 17 Nguy | 4180035331 ✓ | 2.7 | 2.7 | 1 | | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 6818 | WM+ TNH 245 Lạc | 4180035574 ✓ | 3.4 | 3.4 | 1 | | |
| TOTAL: | | | | | 41.70 | 41.70 | 9 | | |
| GRAND TOTAL: | | | | | 41.70 | 41.70 | 9 | | |

SCSVN

Lưu ý: nhà cung cấp phải niêm phong
thùng hàng khi gửi tới kho lạnh Lineage
Logistics Việt Nam

Nhà cung cấp/ NVC

(Kí, ghi rõ họ tên và số điện thoại)
Tất cả các thùng hàng đã được kiểm
tra niêm phong

Nguyễn Thị Hiền



BIÊN BẢN NHẬN HÀNG PO-185086

21/11/2025

Khách hàng: VIN-919 WINCOMMERCE- XDOCK

Nhà cung cấp: 2003606 NGỌC THƠM-C

Loại hàng: HÀNG MÁT

Nhiệt độ yêu cầu:

Giờ xe đến:

Loại xe giao hàng:

Số xe:

Giờ nhận hàng:

Giờ kết thúc:

Nhiệt độ trong xe ngay khi mở cửa xe: °C

Nhiệt độ kiện hàng ngẫu nhiên: °C

Nếu nhiệt độ kiện hàng không đạt yêu cầu thì SCS chỉ nhận hàng, nhà cung cấp hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu hư hỏng xảy ra trong quá trình vận chuyển:

Đồng ý Không đồng ý

Tình trạng kiện hàng: Thùng rách Hư hỏng Mùi hôi Bẩn Móp méo Ướt, chảy nước

| Mã hàng | Tên hàng | Mã kho | Tên kho | Số SO | Nhận hàng thực tế | | | | Ghi chú |
|--------------|-------------------|--------|-------------------|--------------|-------------------|-------|-------|---------|---------|
| | | | | | Net(kgs) | Gross | Thùng | Khay2.5 | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 1639 | WM Sóc Trăng | 4180156884 ✓ | 3.0 | 3.0 | 1 | | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 2AK8 | WM+ NTN K1 KĐT | 4180193742 ✓ | 4.1 | 4.1 | 1 | | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 3504 | WM+ CTO 29-31 Đ | 4180122338 ✓ | 9.8 | 9.8 | 1 | | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 5200 | WM+ NTN 143 Hải | 4180185554 ✓ | 2.9 | 2.9 | 1 | | |
| 22 | CROSS DOCKING - C | 5551 | WM+ VLG 86 Nguyễn | 4180071574 ✓ | 3.7 | 3.7 | 1 | | |
| TOTAL: | | | | | 23.50 | 23.50 | 5 | | |
| GRAND TOTAL: | | | | | 23.50 | 23.50 | 5 | | |

SCSVN

Lưu ý: nhà cung cấp phải niêm phong
thùng hàng khi gửi tới kho lạnh Lineage
Logistics Việt Nam

Nhà cung cấp/ NVC

(Kí, ghi rõ họ tên và số điện thoại)
Tất cả các thùng hàng đã được kiểm
tra niêm phong

LE Tuân
0202680456

Nguyen Thi Trang
CÔNG TY TNHH EMERGENT GOLD VIỆT NAM
Số 18, đường số 6, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tel: 02743-737689
Email: vn-songthan.vinmart@onelineage.com